

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08-11-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bử Văn Hóa

Ông Vũ Văn Lầy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Tâm – Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2018/TLST-HNGĐ ngày 21/8/2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 903/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 969/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/10/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị T, địa chỉ: Tổ T, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Hữu Đ; địa chỉ: Tổ T, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2018, tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Lưu Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Hữu Đ có đăng ký kết hôn ngày 01/5/2002 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng; trước khi kết hôn chị và anh Đ được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn chị và anh Đ chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp luôn bất đồng quan điểm, khác biệt về cách sống

và quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn yêu thương tôn trọng lẫn nhau. Do cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên chị đã chuyển ra ngoài sống ly thân anh Đ từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian chị và anh Đ sống ly thân anh Đ cũng có đến tìm chị về đoàn tụ nhưng chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Đ đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị không về đoàn tụ cùng anh Đ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Vũ Hữu Đ có 02 con chung là Vũ Hữu Tuấn A, sinh ngày 08/9/2005 và Vũ Hữu Tuấn H, sinh ngày 26/02/2009. Từ khi chị và anh Đ sống ly thân đến nay anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con; do hiện nay chị chưa có nhà ở, công việc chưa ổn định, chưa đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, còn anh Đ có nhà ở, có công việc và có ông bà nội hỗ trợ nên có khả năng nuôi dưỡng các con tốt hơn nên chị để anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung; chị không yêu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Lưu Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận K đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với anh Vũ Hữu Đ nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh Đ và không tiến hành hòa giải được. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà anh Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 12/9/2018; cháu Vũ Hữu Tuấn A và Vũ Hữu Tuấn H là con chung của chị T và anh Đ đã khai như sau: Khi bố mẹ các cháu ly hôn nguyện vọng của các cháu là được ở với bố là Vũ Hữu Đ vì từ trước đến nay các cháu vẫn ở với bố, được bố chăm sóc phát triển tốt, còn mẹ thì bỏ đi nơi khác sinh sống không quan tâm đến các cháu.

Tại Biên bản xác minh ngày 12/9/2018, bà Nguyễn Thị Ghinh là mẹ đẻ của anh Vũ Hữu Đ cung cấp: Chị T và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng vào năm 2002. Sau khi đăng ký kết hôn chị T và anh Đ chung sống cùng gia đình bà; trong quá trình chung sống thì vợ chồng chị T anh Đ không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Từ tháng 7/2016 chị T bỏ đi nơi khác sinh sống vì lý do vợ chồng không hợp nhau. Chị T và anh Đ trong thời gian chung sống có 02 con chung là Vũ Hữu Tuấn A, sinh ngày 08/9/2005 và Vũ Hữu Tuấn H, sinh ngày 26/02/2009; từ khi chị T bỏ đi các con chung của chị T và anh Đ đều ở cùng anh Đ, các cháu được anh Đ chăm sóc và phát triển bình thường. Chị T và anh Đ không có tài sản chung, công nợ chung.

Tại Biên bản xác minh, Hội phụ nữ và Tổ dân phố - tổ T, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng cung cấp: Chị T và anh Đ là vợ chồng, sinh sống trên địa bàn Tổ dân phố T; kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2002. Trong quá trình chung sống tại địa phương giữa chị T và anh Đ không có mâu thuẫn gì lớn khiến chính quyền địa phương và tổ dân phố phải can thiệp. Từ năm 2015 đến nay chị T chuyển đi nơi khác, đi đâu, làm gì, với ai địa phương không biết, còn anh Đ vẫn sinh sống tại tổ T. Chị T và anh Đ trong thời gian chung sống có 02 con chung là Vũ Hữu Tuấn A, sinh ngày 08/9/2005 và Vũ Hữu Tuấn H, sinh ngày 26/02/2009. Về tài sản chung, công nợ chung: Tổ dân phố và Hội phụ nữ không nắm được.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và các bản tự khai; chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ; chị yêu cầu Tòa án giao cả hai con chung là Vũ Hữu Tuấn A và Vũ Hữu Tuấn H cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng; chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Về cơ bản đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lưu Thị T và anh Vũ Hữu Đ; về con chung: Giao cho anh Vũ Hữu Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Vũ Hữu Tuấn A, sinh ngày 08/9/2005 và Vũ Hữu Tuấn H, sinh ngày 26/02/2009 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn. Về án phí: Chị Lưu Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thẩm quyền giải quyết:

[1] Ngày 20 tháng 8 năm 2018 chị Lưu Thị T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận K, chị Lưu Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Vũ Hữu Đ, địa chỉ: Tổ T, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng, yêu cầu giải quyết về nuôi con khi ly hôn. Tranh chấp này được Tòa án nhân dân quận K thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tố tụng:

[2] Anh Lưu Hữu Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định tại Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Vũ Hữu Đ đều vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Vũ Hữu Đ.

- Về quan hệ pháp luật:

[3] Chị Lưu Thị T và anh Vũ Hữu Đ đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 20, ngày 01/5/2002. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về hôn nhân:

[4] Trong quá trình chung sống do tính cách không phù hợp nên chị T và anh Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không thông cảm, chia sẻ, không quan tâm, chăm sóc, yêu thương, quý trọng nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và kéo dài từ năm 2015 đến nay. Trong thời gian dài sống ly thân chị T, anh Đ không có biện pháp tháo gỡ mâu thuẫn mà để mặc cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và kéo dài. Tòa án đã nhiều lần khuyên chị T rút đơn về đoàn tụ nhưng chị T vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ; Tòa án nhiều lần triệu tập anh Đ để giải quyết việc chị T có đơn xin ly hôn anh và tiến hành hòa giải nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do. Chứng tỏ tình cảm giữa chị T và anh Đ không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên cùng không có ý thức đoàn tụ. Tại phiên tòa chị T vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị T được ly hôn anh Đ. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Thị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp thực tế vụ kiện và phù hợp pháp luật cần được chấp nhận.

- Về con chung:

[5] Chị Lưu Thị T và anh Vũ Hữu Đ có 02 con chung là Vũ Hữu Tuấn A, sinh ngày 08/9/2005 và Vũ Hữu Tuấn H, sinh ngày 26/02/2009. Từ khi chị T và anh Đ sống ly thân, hai con chung đều ở cùng anh Đ. Khi ly hôn chị T đề nghị được giao cả hai con cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng vì các con đang ở ổn định cùng anh Đ hơn nữa hiện nay chị T chưa có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng các con. Việc giao cả hai con chung cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cũng là nguyện vọng của hai con chung của chị T và anh Đ là cháu Vũ Hữu Tuấn A và Vũ Hữu Tuấn H; đây cũng là quan điểm của đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân quận K. Xét nguyện vọng của cháu Vũ Hữu Tuấn A, Vũ Hữu Tuấn H, yêu cầu của chị Lưu Thị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát việc giao cả hai con chung là Vũ Hữu Tuấn A

và Vũ Hữu Tuấn H cho anh Vũ Hữu Đ được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp thực tế vụ kiện và phù hợp pháp luật cần được chấp nhận. Nếu sau khi ly hôn chị T, anh Đ có yêu cầu Tòa án giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lưu Thị T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau khi ly hôn chị T, anh Đ có yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về chia tài sản chung:

[7] Chị Lưu Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị T, anh Đ có yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí:

[8] Chị Lưu Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị T

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lưu Thị T và anh Vũ Hữu Đ

Về con chung: Giao cho anh Vũ Hữu Đ được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Hữu Tuấn A, sinh ngày 08/9/2005 và Vũ Hữu Tuấn H, sinh ngày 26/02/2009 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về chia tài sản chung khi ly hôn: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nếu sau khi ly hôn chị T, anh Đ có yêu cầu Tòa án giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: Chị Lưu Thị T phải nộp tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0010210 ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng. Chị Lưu Thị T đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo Bản án: Chị Lưu Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Vũ Hữu Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- THADS quận K;
- UBND phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Chính

Vũ Văn Lầy

Nguyễn Thị Lan Hương